

BỆNH ÁN ĐAU ¼ DƯỚI PHẢI 26/3/2022

I. Hành chính:

- Họ tên: Bùi Thị Hạnh Thảo
- Tuổi: 36 (1987)
- Địa chỉ: Phú Nhuận, TP HCM
- Nghề nghiệp: Buôn bán
- Nhập viện vào 22h10' ngày 26/3/2023
- Khoa cấp cứu - Bệnh viện Đại học Y Dược

II. Lý do nhập viện: đau bụng 1/4 dưới phải

III. Bệnh sử

- Bệnh nhân là người khai bệnh.
- Cách NV 4 ngày, BN thấy người mệt mỏi kèm ăn không ngon
- Cách NV 2 ngày, BN đang ngồi thì cảm thấy đau âm ỉ ¼ bụng dưới phải, không lan, đau tăng dần, đau tăng khi đi lại, khi vận động, không yếu tố giảm đau, kèm chán ăn, tiêu chảy.
- Cách NV 20 tiếng, BN đang đang ngủ thì đột ngột đau nhói ¼ bụng dưới phải, dữ dội, từng cơn khoảng 20 phút, không lan, không thay đổi theo tư thế, không yếu tố tăng giảm.
- Cách NV 1 tiếng, BN đau nhói ¼ bụng dưới phải với tính chất như trên nhưng đau nhiều hơn => BN nhập cấp cứu BV ĐHYD
- Trong quá trình bệnh, BN đi tiêu phân vàng lỏng sệt 2-3 lần/ngày(lượng bao nhiêu). BN không sốt, không có huyết trắng âm đạo, không sụt cân, không buồn nôn, không nôn, trung tiện được, tiểu vàng, không tiểu gắt tiểu buốt, không ngứa, không vàng da vàng niêm. Trước nhập viện 7 ngày bệnh nhân đã hành kinh (đúng chu kỳ, các chu kỳ trước đều)

IV. Tiền căn:

1. Cá nhân

a. Nội khoa

- Từng đau tương tự 1 năm trước BN tự ra hiệu thuốc mua thuốc uống đau bụng giảm nên không nhập viện.
- Chưa ghi nhận viêm gan B, C, xơ gan trước đây.
- Chưa ghi nhận các bệnh lý nội khoa khác: THA, ĐTĐ, rối loạn lipid máu.
- Chưa ghi nhận bệnh về cơ xương khớp

b. Ngoại khoa:

- Mổ nội soi thai ngoài tử cung 2 năm trước
- Sinh mổ 4 tháng trước

c. PARA: 2012

d. Dị ứng: chưa ghi nhận

e. Thói quen sinh hoạt

- Ít ăn rau
- Tỉnh thoảng bị bón

- Hút thuốc lá chưa ghi nhận
- Uống rượu bia chưa ghi nhận

2. Gia đình

- Chưa ghi nhận bệnh lý viêm gan B, C, bệnh lý ác tính đường tiêu hoá khác.

V. LƯỢC QUA CÁC CƠ QUAN (06/03/2023)

- Tim mạch: không đau ngực, không hồi hộp, không đánh trống ngực.
- Hô hấp: không khó thở, không khò khè, không ho
- Tiêu hóa: Đau âm ỉ hạ ¼ bụng dưới phải, không lan, tăng khi vận động kèm tiêu chảy.
- Tiết niệu: tiểu vàng, không tiểu gắt - buốt, không tiểu máu - mủ.
- Thần kinh: không đau đầu, không chóng mặt.
- Cơ xương khớp: không đau nhức, không yếu tay chân.

VI. KHÁM LÂM SÀNG (23h30 ngày 26/03/23)

1. Tổng quát

- BN tỉnh, tiếp xúc tốt.
- Sinh hiệu:
 - o Mạch: 80 lần/phút
 - o HA: 100/60
 - o Nhịp thở: 16 lần/phút
 - o SpO2: 98
 - o Nhiệt độ: 36,5
- Niêm hồng, chi ấm, không ngón tay dùi trống.
- Môi không khô, lưỡi không dơ
- Không phù
- Chiều cao: 1m58 cân nặng 54kg => BMI = 21.6 (bình thường)

2. Lồng ngực

- Lồng ngực cân đối, di động theo nhịp thở

*Tim mạch

* Phổi

3. Bụng

- Nhìn:
 - o Bụng cân đối, thành bụng trước phẳng, rốn không lồi, di động đều theo nhịp thở, không THBH, không thấy khối phồng, không dấu rấn bò, không quai ruột nổi, có sọc sinh mổ cũ
- Nghe:
 - Gõ: Gõ trong khắp bụng, gõ đau hông chậu phải.
- Sờ:
 - o Ấn đau hố chậu và hông phải trên đường nách trước
 - o Đề kháng thành bụng (+)
 - o Bụng mềm, gan lách không sờ chạm

4. Trực tràng - hậu môn: chưa ghi nhận
5. Thần kinh: chưa ghi nhận
6. Cơ xương khớp: chưa ghi nhận

VII. TÓM TẮT BỆNH ÁN

Bệnh nhân nữ 36 tuổi, nhập viện vì đau bụng ¼ dưới phải, bệnh 2 ngày. Qua hỏi bệnh và thăm khám ghi nhận:

TCCN:

- Đau bụng
- Chán ăn
- Tiêu chảy

TCTT

- Ấn đau hố chậu phải
- Ấn đau hông phải

TC

- Táo bón

VIII. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Đau bụng ¼ dưới phải
2. Chán ăn
3. Tiền căn

IX. CHẨN ĐOÁN

1. Chuẩn đoán sơ bộ: Viêm ruột thừa cấp 2 ngày chưa biến chứng
2. Chuẩn đoán phân biệt:
 - i. Viêm phần phụ
 - ii. Viêm túi thừa manh tràng

X. BIỆN LUẬN

Bệnh nhân nữ, 36 tuổi, đau bụng 1/4 dưới phải có thể do các nguyên nhân:

- Viêm ruột thừa cấp: Nghi ngờ nhiều do bệnh nhân có đau bụng ¼ dưới phải và triệu chứng của rối loạn tiêu hóa (tiêu phân lỏng, chán ăn). Khám có ấn đau hố chậu phải nên nghi ngờ nhiều viêm ruột thừa
=> Đề nghị CLS: CTM, xét nghiệm sinh hóa máu, siêu âm, CT scan bụng
- Viêm túi thừa manh tràng: Bệnh cảnh tương tự kèm tiền căn ăn ít chất xơ nên không thể loại trừ
=> Đề nghị CLS: CT scan bụng, nội soi đại trực tràng khi ổn
- Viêm túi thừa đại tràng lên: Bệnh có đau ở hông phải, có bệnh cảnh tương tự kèm tiền căn ăn ít chất xơ nên không thể loại trừ
=> Đề nghị CLS: CT scan bụng, nội soi đại trực tràng khi ổn

- Viêm phần phụ: Bệnh nhân không có dịch âm đạo bất thường, không sốt, không tiểu khó nhưng là nữ trong độ tuổi sinh sản có đau bụng hố chậu phải nên không thể loại trừ
=> Đề nghị CLS: MRI, siêu âm qua ngã âm đạo
- Thai ngoài tử cung: Bệnh nhân nữ trong độ tuổi sinh sản nhưng mới hành kinh 1 tuần nên không nghĩ.
- Nhiễm trùng đường tiết niệu: Không tiểu buốt tiểu rát nên không nghĩ
- Viêm cơ thắt lưng chậu: Bệnh nhân đau hố chậu phải không lan, nên không nghĩ

Biến chứng của VRT

Viêm phúc mạc: không nghĩ do bệnh nhân không có hội chứng viêm phúc mạc toàn thể

Áp xe ruột thừa

Đám quánh ruột thừa

XI. CẬN LÂM SÀNG

1. CTM (23h30 26/03)

07:12 Th 6 31 thg 3 98%			
← Kết quả xét nghiệm			
BÙI THỊ HẠNH THẢO		N23-0081569	
WBC	9.73 10 ⁹ /L	4 - 10 G/L	
- NEU %	69.5 % N	45 - 75% N	
- NEU #	6.76 N	1.8 - 7.5 N	
- LYM %	21.5 % L	20 - 35% L	
- LYM #	2.09 L	0.8 - 3.5 L	
- MONO %	7.14 % M	4 - 10% M	
- MONO #	0.695 M	0.16 - 1.0 M	
- EOS %	1.70 % E	1 - 8% E	
- EOS #	0.166 E	0.01 - 0.8 E	
- BASO %	0.175 % B	0 - 2% B	
- BASO #	0.017 B	0 - 0.2 B	
- LUC%			
- LUC#			
- IG%	0.00* %	0.16 - 0.61 %	
RBC	4.70 10 ¹² /L	3.8 - 5.5 T/L	
. HGB	123 g/L	120 - 175 g/L	
. HCT	0.373 L/L	0.35 - 0.53 L/L	
. MCV	79.4 fL	78 - 100 fL	
. MCH	26.2* pG	26.7 - 30.7 pG	
. MCHC	330 g/L	320 - 350 g/L	
. CHCM			
. RDW	13.4 %	12 - 20 %	

07:12 Th 6 31 thg 3

98%

← Kết quả xét nghiệm

BÙI THỊ HẠNH THẢO

N23-0081569

. HDW		
. CH		
. NRBC %	0.00 %	0.0-2.0 %
. NRBC#	0.00 10^9/L	0.0 - 2.0 G/L
PLT	276.0 10^9/L	150 - 450 G/L
MPV	9.74 fL	7 - 12 fL
PDW		
Thời gian Prothrombin (PT,TQ) bằng máy tự động		
- PT	13.3 giây	11.1 - 15.2 giây (STAR-R MAX)
- PT %	105.0 %	70-140 %
- INR	0.97	0.8 - 1.2
- PT (bn)/PT (chứng)	0.97	0.8-1.2
Thời gian thromboplastin hoạt hoá từng phần (APTT)		
. APTT	34.0 giây	24.0 - 35.0 giây (STAR-R MAX)
. APTT (bn)/APTT (chứng)	1.11	0.8 - 1.2
Định nhóm máu hệ ABO thuận nghịch và Rh (D) (bằng phương pháp Gelcard)		
Nhóm máu ABO	B	.
Rh(D) (gel card)	DƯƠNG TÍNH	.

-> thiếu máu nói chung, MHC giảm phù hợp với bệnh cảnh viêm

-> WBC không tăng cao, NEU không chiếm ưu thế không đặc trưng với bệnh cảnh VRT

2. Sinh hóa

07:13 Th 6 31 thg 3

98%

← Kết quả xét nghiệm

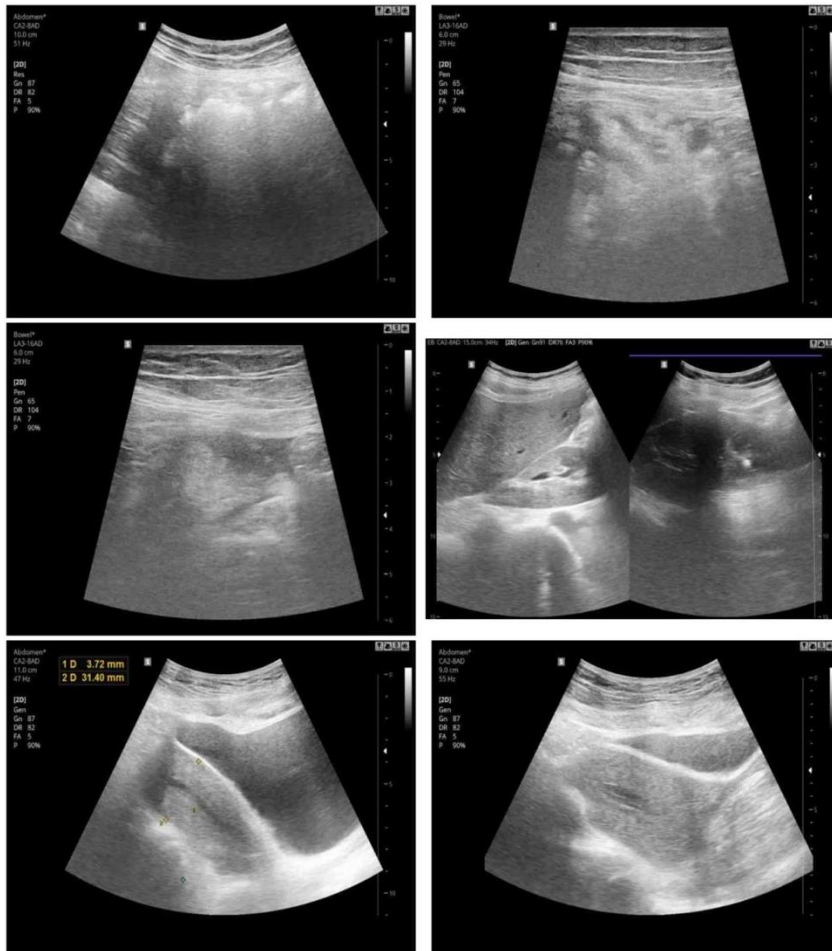
BÙI THỊ HẠNH THẢO

N23-0081569

Xét nghiệm	Kết quả	KQ bình thường
Glucose	4.8 mmol/L	3.9-6.4 mmol/L
. Glucose	86 mg/dL	70-115 mg/dL
Albumin	40.8 g/L	35 – 52 g/L
Ure	31.76 mg/dL	10.2-49.7 mg/dL
Creatinine	63.8 umol/L	Nam: 74 - 114; Nữ: 58 – 96 umol/L
. Creatinine	0.72 mg/dL	Nam: 0.83-1.28; Nữ: 0.66-1.09 mg/dL
. eGFR (CKD-EPI)	92 mL/phút	>= 60 ml/ph/1.73 m2
Bilirubin toàn phần	5.15 umol/L	< 17 umol/L
. Bilirubin toàn phần	0.31 mg/dL	< 1.02 mg/dL
Bilirubin trực tiếp	0.09 umol/L	<5 umol/L
GOT/ASAT	26 U/L	Nam <40 U/L; Nữ <31 U/L
GPT/ALAT	20 U/L	Nam <41 U/L; Nữ <31 U/L
Natri	141 mmol/L	136 – 146 mmol/L
Kali	3.52 mmol/L	3.4 – 5.1 mmol/L
Định lượng Clo	107 mmol/L	98 – 109 mmol/L
Định lượng Calci toàn phần	2.24 mmol/L	2.10 – 2.55 mmol/L
Phản ứng CRP	32.8* mg/L	<5 mg/L
Lipase máu	19.78 U/L	<67 U/L

-> CRP tăng cao phù hợp với bệnh cảnh viêm

3. Siêu âm

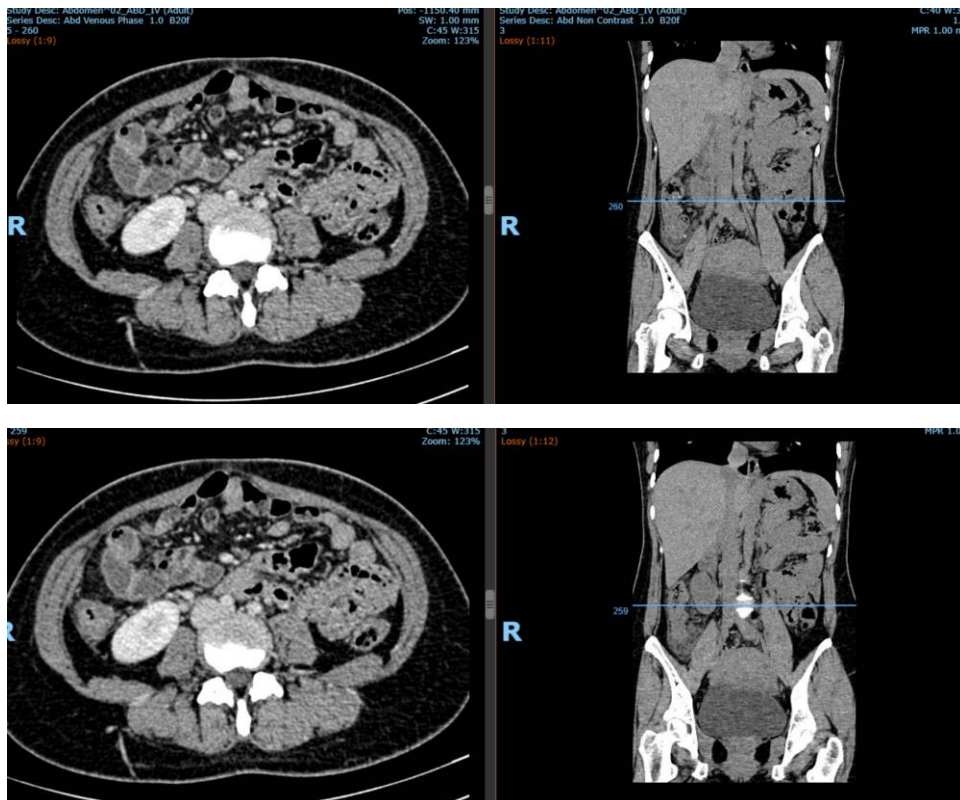


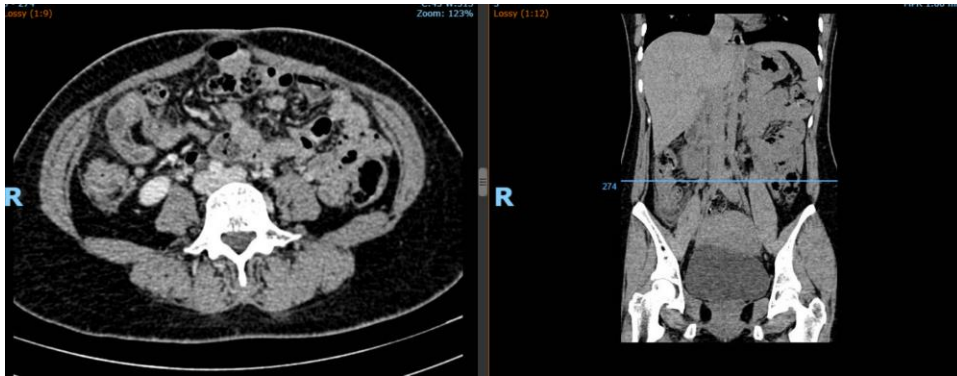
Đọc kết quả:

- Không khảo sát được ruột thừa
- Dày thành manh tràng, cuối hồi tràng
- Thâm nhiễm mỡ hố chậu phải

- **GAN :** Không to, đồng nhất, bờ đều.
Các TM trên gan và TM cửa bình thường.
 - **ĐUỜNG MẬT :** Trong và ngoài gan không giãn. Không sỏi.
 - **TÚI MẬT :** Vách đều, không dày, lòng không có gì lạ.
 - **LÁCH :** Không to, đồng nhất.
 - **TỤY :** Không to, đồng nhất.
 - **THẬN :**
 - Thận phải :** Cấu trúc và kích thước : bình thường. Phân biệt vỏ - tủy rõ, không ứ nước, không sỏi.
Niệu quản phải : Không giãn. Thượng thận: không thấy.
 - Thận trái :** Cấu trúc và kích thước : bình thường. Phân biệt vỏ - tủy rõ, không ứ nước, có sỏi d# 8 mm.
Niệu quản trái : Không giãn. Thượng thận: không thấy.
 - **BÀNG QUANG :** Thành đều, lòng phản âm trống.
 - **TỬ CUNG & 2 PHẦN PHỤ:** Tử cung ngả trước, dAP# 31 mm.
Lòng tử cung có lớp dịch, bề dày # 3.7 mm.
Hai buồng trứng khảo sát giới hạn.
 - **CÁC BỘ PHẬN KHÁC :** Các mạch máu lớn và khoang sau phúc mạc không thấy gì lạ.
Dịch màng phổi (-).
 - **XOANG BỤNG :**
 - Ống tiêu hóa vùng hố chậu phải chướng nhiều hơi. Hiện không khảo sát được ruột thừa. Thâm nhiễm mỡ và ít dịch vùng hố chậu phải.
 - Dây thành manh tràng và hồi tràng cuối # 8 mm, còn cấu trúc lớp.
- Chẩn đoán :** - Sỏi thận trái.
- Ống tiêu hóa vùng hố chậu phải chướng nhiều hơi. Hiện không khảo sát được ruột thừa. Thâm nhiễm mỡ và ít dịch vùng hố chậu phải.
- Dây thành manh tràng và hồi tràng cuối.
- Lớp dịch mỏng lòng tử cung.

4. CT scan (0h15 27/03)





*** Gan và đường mật :**

- Gan : Không to, bờ đều.
- Nhu mô gan : Không phát hiện hình ảnh tổn thương.
- Đường mật : Đường mật trong và ngoài gan không giãn.
- Túi mật : Không to.

*** Tụy :**

- Không thấy bất thường đậm độ nhu mô tụy.

*** Lách :**

- Không thấy bất thường đậm độ nhu mô lách.

*** Thận và niệu quản :**

- Không thấy bất thường đậm độ nhu mô thận hai bên.
- Đái thận, bể thận và niệu quản hai bên : Không giãn. Thận trái có sỏi d# 4mm.

*** Mạch máu :**

- Không thấy bất thường mạch máu.

*** Hạch :**

- Không phát hiện hạch to.

*** Phổi / trung thất trong trường khảo sát:**

-

*** Ghi nhận khác :**

- Dày thành đại tràng lên $d \leq 12\text{mm}$, còn cấu trúc lớp, ghi nhận đoạn đại tràng này có vài túi thừa $d \leq 10\text{mm}$, thâm nhiễm mỡ và ít dịch xung quanh.
- Ruột thừa vùng hố chậu phải, $d \# 10\text{mm}$, lòng chứa dịch và khí, không thấy thâm nhiễm mỡ xung quanh.

KẾT LUẬN

- Hiện không thấy hình ảnh ruột thừa viêm.
- Hình ảnh nghi viêm túi thừa đại tràng lên (Hinchey Ia).
- Sỏi thận trái.